

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Km 35, quốc lộ 51, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai.
Điện thoại : 061 3841 578; Fax: 061 3841 577
Email : contact@ngohanwire.com;
Website : www.ngohanwire.com / www.ngohanwire.vn

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 43/1 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, Tp.HCM.
Điện thoại : 08 3755 9188; Fax: 08 3755 9187

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ : Ô số 38 Liên kê 20, KĐT Văn Khê, P. La Khê, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại : 04 6325 1716; Fax: 04 6325 1705



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	3
1.	Thông tin khái quát	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4.	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5.	Định hướng phát triển	8
6.	Các rủi ro.....	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	9
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2.	Tổ chức và nhân sự	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4.	Tình hình tài chính	12
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	14
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2.	Tình hình tài chính	14
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	15
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	16
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	16
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	16
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	16
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1.	Hội đồng quản trị	18
2.	Ban kiểm soát.....	20
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD & BKS:.....	20
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	22
1.	Ý kiến kiểm toán	22
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	24

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
- Tên giao dịch quốc tế : NGO HAN JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : NHW
- Logo của công ty :



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển đổi loại hình thành công ty Cổ Phần lần đầu số 4703000102 ngày 26/04/2004 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và thay đổi lần 7 ngày 05/01/2011.
- Vốn điều lệ: 229.506.273.435 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).
- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Ấp Hiền Đức, xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại: (061) 3841578; Fax: (061) 3841577
 - Email: contact@ngohanwire.com
 - Website: www.ngohanwire.com; www.ngohanwire.vn
- Chi nhánh tại Hồ Chí Minh:
 - Địa chỉ: 43/1 Lý Chiêu Hoàng, P.10. Q.6, Tp.HCM.
 - Điện thoại: (08) 3755 9188; Fax: (08) 3755 9187
- Chi nhánh tại Hà Nội:
 - Địa chỉ: Số 32, Ô số 38 Liên kề 20, KĐT Văn Khê, P. La Khê, Hà Đông, Hà Nội.
 - Điện thoại: (04) 6325 1716; Fax: (04) 6325 1705
- Mã cổ phiếu: NHW

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1987, ông Nguyễn Văn Sung và bà Ngô Thị Thông đồng sáng lập cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, với kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong ngành công nghiệp điện, cả hai đã khởi đầu hoạt động sản xuất kinh doanh như một doanh nghiệp gia đình.

Từ năm 2000, công ty bắt đầu áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO:9001, tiếp theo đó là ISO 14000, SA 8000; thành lập và vận hành phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và sản xuất thành công sản phẩm có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như JIS, IEC, NEMA... Đặc biệt, năm 2003 Ngô Han là công ty sản xuất dây điện từ đầu tiên tại Việt Nam đạt được chứng chỉ chất lượng UL (Underwriters Laboratory), đồng thời được UBND TP.HCM bình chọn vào đợt đầu tiên của chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố năm 2003-2005 và cho đến thời điểm hiện nay, Ngô Han đã chiếm lĩnh được khoảng 40% thị phần của thị trường dây điện từ tại Việt Nam.

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2004, Ngô Han đã thu hút được sự tham gia đầu tư của các quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund I, Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, ngân hàng BIDV.

Đến ngày 26 tháng 1 năm 2010, Ngô Han với mã chứng khoán NHW đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 12/01/2010 theo Quyết định số 03/QĐ - SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM và chính thức giao dịch vào ngày 26/01/2010, cụ thể:

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: NHW
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Số lượng chứng khoán niêm yết: 22.950.627 cổ phiếu (Hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi bảy cổ phiếu).
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 229.506.270.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các mốc phát triển của Công ty:

- 1987 : Thành lập Cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, trụ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1996 : Thành lập Công ty TNHH Ngô Han, xây dựng nhà máy mới và chuyển trụ sở chính về Đồng Nai với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.
- 2004 : Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Ngô Han, Mekong Enterprise Fund I đầu tư vào 1.85 triệu USD, tăng vốn điều lệ lên 63,214,290,000 đồng.
- 2007 : Tăng vốn điều lệ lên 227,233,930,000 đồng, tiếp tục phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược như Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, NH BIDV...
- 2009 : Tăng vốn điều lệ lên 229,506,270,000 đồng.
- 2010 : Chính thức niêm yết cổ phiếu trên SGD Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
- 2011 : Thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han.
- 2013 : Mua lại CTCP Nước khoáng Cúc Phương.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất nguyên liệu đồng nhôm; dây và cáp điện và các sản phẩm liên quan;
- Mua bán nguyên vật liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện từ; dây và cáp điện.
- Mua bán phế liệu, phế thải kim loại (trừ các chất thải nguy hại theo danh mục tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường).

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sản xuất mô tơ, máy phát; biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; thiết bị dây dẫn điện các loại; thiết bị điện chiếu sáng; đồ điện dân dụng; thiết bị điện khác.
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy); máy bơm, máy nén, vòi và van khác; dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; máy thông dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hệ thống điện.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn tổng hợp.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

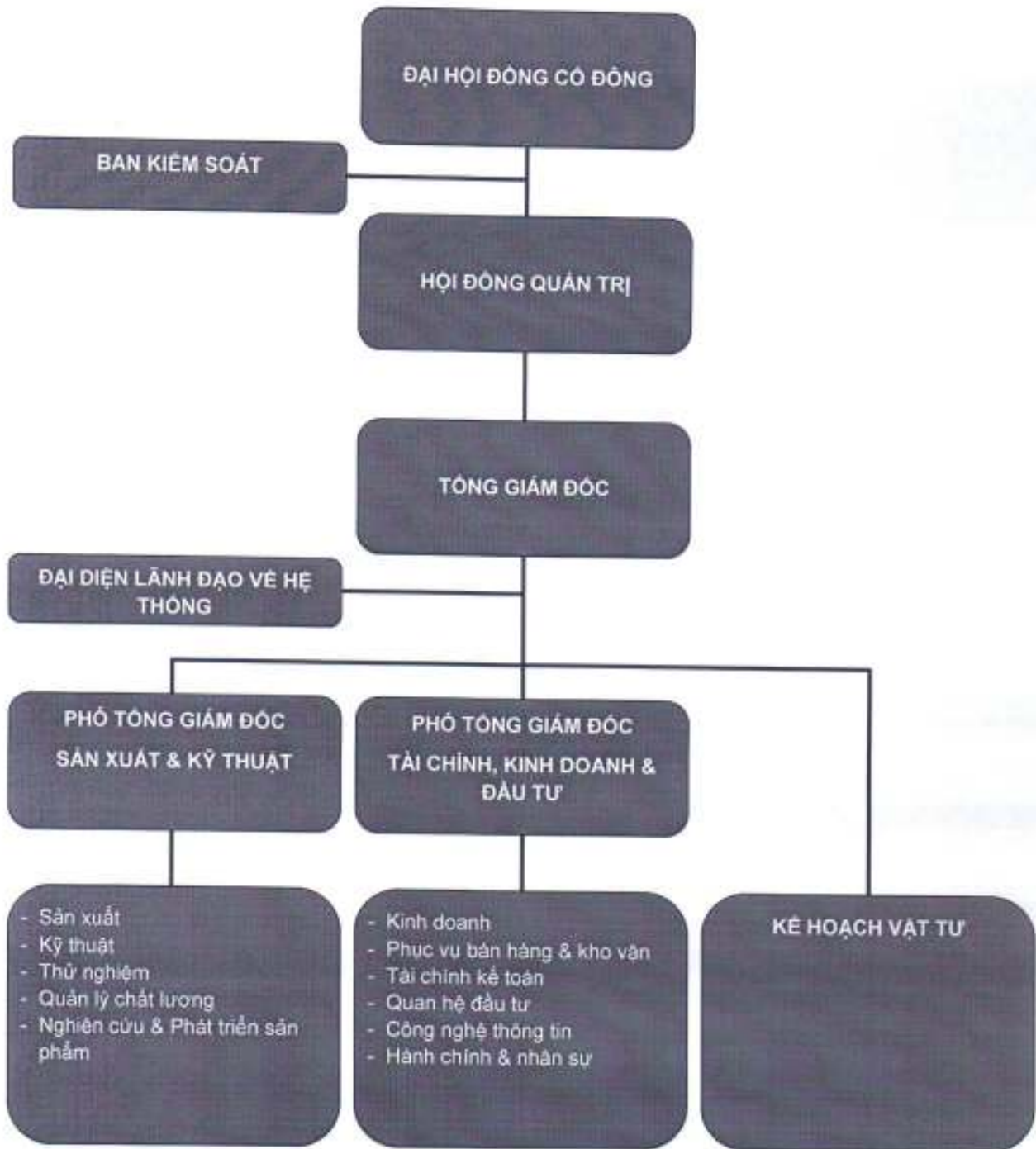
Mô hình quản trị

Ngay từ những ngày đầu thành lập, với mục tiêu trở thành một trong năm công ty hàng đầu khu vực Đông Nam Á về sản xuất dây điện tử, Ông Nguyễn Văn Sung – người sáng lập công ty đã đặt nhân tố con người lên hàng đầu. Ông đã rất chú trọng đến công tác tuyển chọn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đủ “tâm và tầm” để cùng lãnh đạo Ngô Han ổn định, phát triển đột phá không ngừng trong suốt 20 năm qua. Ông đã trực tiếp lựa chọn và tuyển dụng những nhân tố xuất sắc từ các trường đại học nổi tiếng để huấn luyện đào tạo thực tế về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn và khả năng quản lý điều hành, cũng như có nhiều chính sách để thu hút nguồn nhân lực giỏi và đã có đầy đủ kinh nghiệm từ bên ngoài. Đến nay, Ngô Han đã sở hữu một đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động và đủ năng lực để điều hành, kế thừa sự nghiệp lãnh đạo tại Ngô Han ở tầm cao mới và nó đã thật sự trở thành một yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị vượt trội của Ngô Han.

Sự lớn mạnh của Ngô Han như hôm nay không thể không nhắc đến Bà Ngô Thị Thông – đồng sáng lập Công ty Cổ phần Ngô Han, hiện đang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty. Bà Thông được biết đến như là một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu đồng và dây điện tử. Bà Thông đã cùng với các cộng sự của mình lãnh đạo điều hành Công ty vượt qua rất nhiều khó khăn thách thức kể từ khi Bà chính thức tiếp quản công ty trên vai trò Chủ tịch HĐQT vào cuối năm 2006. Và Bà đã khẳng định rằng để đạt được những kết quả như vậy cũng chính là nhờ vào một tập thể lãnh đạo trẻ, năng động và đầy nhiệt huyết mà hiện nay Ngô Han đang sở hữu.

Bên cạnh đó, với chiến lược “bán bớt một phần để phát triển hơn” của người sáng lập nên Ngô Han đã sớm tiếp cận được nguồn vốn, đặc biệt là tiếp cận được các phương pháp và kỹ năng quản trị tiên tiến trên thế giới từ quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund, Mekong Enterprise Fund II,... Điều này đã giúp các nhà lãnh đạo điều hành của Ngô Han bổ sung kiến thức và kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp để góp phần giúp Ngô Han không ngừng gia tăng giá trị, khẳng định được vị thế hàng đầu của mình tại thị trường trong nước và khu vực.

Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý



Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Ngô Han.

- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai.
- ❖ Ngành, nghề kinh doanh:
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: 8.000.000.000 đồng. (Tám tỷ đồng)
- ❖ Tỷ lệ sở hữu: 100%.

Công ty con: Công ty Cổ phần Nước khoáng Cúc Phương.

- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Kỳ Phú, Nho Quan, Ninh Bình.
- ❖ Ngành, nghề kinh doanh:
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
 - Bán buôn kim loại khác.
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
 - Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
 - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
 - Đại lý du lịch.
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: 10.053.000.000 đồng.
- ❖ Tỷ lệ sở hữu: 96.17%.

5. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển của Ngô Han là tiếp tục tập trung chủ lực vào lĩnh vực dây điện từ, thanh đồng Busbar vốn là lợi thế cạnh tranh trong suốt những năm qua và sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh này bằng cách sản xuất ra những sản phẩm dây điện từ có sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh như dây điện từ có cấp nhiệt cao hơn, dây điện từ siêu mỏng dùng trong các thiết bị tự động, sử dụng cho các loại cáp tín hiệu, cáp điều khiển ...

Ngoài sản phẩm dây điện từ, Ngô Han còn tập trung vào việc đầu tư nghiên cứu và đưa ra thị trường những sản phẩm mới có sử dụng nguồn nguyên vật liệu đồng đầu vào, trong năm 2011, Ngô Han đã cho ra đời sản phẩm mới đó chính là dây cáp điện, với ưu thế về nguyên liệu đồng được mua trên thị trường LME đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, độ an toàn và tiết kiệm điện cho sản phẩm này. Cùng với việc thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han, công ty với 100% vốn đầu tư của Ngô Han, chuyên về kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện như dây cáp điện, công tắc, ổ cắm, thiết bị đóng ngắt, thiết bị điện hạ thế.

Hiện nay, Ngô Han đang tập trung vào việc mở rộng thị trường bán lẻ tại khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Tây và các tỉnh Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Ngô Han tiếp tục tập trung vào việc củng cố, mở rộng phân khúc thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á, Châu Á và cả một số nước Châu Âu.

6. Các rủi ro

- ❖ Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào: Giá vốn hàng bán luôn chiếm trên 90% doanh thu của Công ty, vì vậy việc quản trị giá đồng cathode đầu vào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngô Han.
- ❖ Rủi ro về tỷ giá: Nguồn nguyên vật liệu phần lớn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự trượt giá của VND trong thời gian qua.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

❖ Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2013:

Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng)	2012	2013	KH2013	2013/2012	2013/KH 2013
Doanh thu thuần	1,639.97	1,731.13	1,679.87	106%	103.05%
Lợi nhuận gộp	77.36	118.47	89.19	153%	132.83%
Tổng chi phí	45.81	45.68	48.87	99.7%	93.47%
LN trước thuế	37.36	61.89	40.32	166%	153.50%
Lợi nhuận ròng	30.66	46.23	30.24	151%	152.88%

❖ Tình hình tài sản:

DIỄN GIẢI	MÃ	31/12/2012	31/12/2013
A. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	100	678,194,451	638,218,131
I. Tiền và tương đương tiền	110	48,967,759	56,751,781
II. Các khoản phải thu	130	287,806,108	311,553,499
III. Hàng tồn kho	140	326,597,384	253,382,241
B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	200	110,204,019	120,553,985
I. Tài sản cố định	220	102,480,363	112,594,180
TỔNG TÀI SẢN	270	788,398,470	758,772,116
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	513,856,880	438,285,583
I. Nợ ngắn hạn	310	513,856,880	426,785,583
II. Nợ và vay dài hạn	330		11,500,000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	274,541,590	320,486,533
I. Nguồn vốn CSH	410	274,541,590	320,486,533
II. Lợi nhuận chưa phân phối	420	45,035,316	90,980,259
TỔNG NGUỒN VỐN	440	788,398,470	758,772,116

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

❖ Bà Ngô Thị Thông – Tổng Giám Đốc

Chức vụ: Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 01/ 2006 - nay

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ngô Han

- Từ 2007 - nay Giám đốc Kế hoạch Vật tư – CTCP Ngô Han
- 2004-2007: Trưởng phòng Kinh doanh-Hanwha Corporation HCMC
- 2003-2004: Trưởng phòng Kinh doanh- New Asia Engineering& Trading Pte.,Ltd
- 1996-2002: Trưởng văn phòng Marubeni HCM – Marubeni Corporation

Đại diện: 0 cổ phần

Cá nhân: 0 cổ phần

❖ **Ông Hồ Thanh Tâm – Giám đốc chất lượng**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 1997-1998: Kỹ sư điện - Saigon Engineering Company (SGE)
- 1998-2005: Kỹ sư trưởng – Phòng Kỹ thuật quy trình - Fujitsu Computer Products Việt Nam.
- 2005-2006: Trưởng phòng Sản xuất - RKW-LOTUS Co.,
- 2006-nay Giám đốc Chất lượng – CTCP Ngô Han.

Đại diện: 0 cổ phần

Cá nhân: 0 cổ phần

❖ **Bà Nguyễn Thị Hương – Kế toán trưởng.**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán.

Quá trình công tác:

- Từ 2007 – nay Kế toán trưởng Cty Cổ phần Ngô Han
- 2005 – 2007 Kế toán tổng hợp CTCP Ngô Han
- 2002 – 2005 Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng phân phối, CTCP Điện tử Huế (Huetronisc)

Đại diện: 0 cổ phần

Cá nhân: 0 cổ phần

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty con:

❖ CTCP Nước khoáng Cúc Phương:

Chỉ tiêu	2012	2013	2013/2012
Doanh thu thuần	10,130,401,033	8,296,007,456	82%
Lợi nhuận gộp	-573,480,240	3,810,774,418	-664%
LN gộp/D-Thu	27.98%	42.39%	
Chi phí quản lý	1,265,138,442	1,497,890,075	118%
Chi phí bán hàng	2,809,420,985	2,127,016,754	76%
LN Thuần từ HĐKD	-4,641,643,025	187,169,153	-4%
LN Trước thuế	-4,641,643,025	187,169,153	-4%
Thuế TNDN			
LN Sau thuế	-4,641,643,025	187,169,153	-4%
LNST/Doanh thu	-12.18%	0.02%	

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính:

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% TĂNG GIẢM
Tổng tài sản	788,398,469,547	758,772,116,193	-4%
Doanh thu thuần	1,639,968,969,165	1,731,131,152,238	6%
Lợi nhuận từ HĐKD	36,232,409,522	61,491,039,827	70%
Lợi nhuận khác	1,127,190,812	403,756,591	-64%
Lợi nhuận trước thuế	37,359,600,334	61,894,796,418	66%
Lợi nhuận sau thuế	30,657,311,026	46,228,832,419	51%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	1.32	1.50	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0.68	0.90	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/TTS	0.65	0.58	
+ Hệ số nợ/Vốn CSH	1.87	1.37	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	4.78	6.36	
+ DTT/TTS	2.08	2.28	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DTT	0.02	0.14	
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	0.11	0.14	
+ Hệ số LNST/TTS	0.04	0.06	
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	0.02	0.04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

- ❖ Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 22,950,627cp.
- ❖ Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22,944,451cp.
- ❖ Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 22,871,331 cp.

Cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ngô Thị Thông	102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM	12.711.932	55.4%
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (đại diện sở hữu: Ông Trịnh Minh Hưng)	Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.499.573	10.9%
Nguyễn Vũ Dương	102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM	2.216.709	9.7%
Nguyễn Văn Vũ Lượng	Unit 3F 91-93 Sandown Rd Springvale, Victoria 3171 Australia	1.497.776	6.5%
Tổng		18.925.990	82.5%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời gian	Vốn điều lệ thực góp	Hình thức tăng vốn điều lệ
26/04/2004	50.000.000.000	Thành lập công ty cổ phần
03/05/2004	63.214.290.000	Phát hành cho cổ đông chiến lược
09/05/2007	227.233.930.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
10/10/2009	229.506.270.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng)	2012	2013	KH2013	2013/2012	2013/KH2013
Tổng sản lượng (tấn)	7,529	8,152	7,860	108%	103.7%
Doanh thu thuần	1,639.97	1,731.13	1,679.87	106%	103.1%
Lợi nhuận gộp	77.36	118.47	89.19	153%	132.8%
Tổng chi phí	45.81	59.52	48.87	130%	121.8%
LN trước thuế	37.36	61.89	40.32	166%	153.5%
Lợi nhuận ròng	30.66	46.23	30.24	151%	152.9%

- Tổng sản lượng dây điện từ năm 2013 đạt 8,152 tấn, hoàn thành 103.7% kế hoạch 7,860 tấn năm 2013, tăng 8% so với thực hiện 7,529 tấn năm 2012.
- Doanh thu thuần đạt 1,731.13 tỷ đồng, hoàn thành 103.1% kế hoạch 1,679.87 tỷ năm 2013, vượt 6% so với thực hiện 1,639.97 tỷ năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 46.23 tỷ đồng, hoàn thành 152.9% kế hoạch 30.24 tỷ năm 2013, tăng 53% so với thực hiện 30.66 tỷ năm 2012.

2. Tình hình tài chính

DIỄN GIẢI	MÃ	31/12/2012	31/12/2013
A. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	100	678,194,451	638,218,131
I. Tiền và tương đương tiền	110	48,967,759	56,751,781
II. Các khoản phải thu	130	287,806,108	311,553,499
III. Hàng tồn kho	140	326,597,384	253,382,241
B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	200	110,204,019	120,553,985
I. Tài sản cố định	220	102,480,363	112,594,180
TỔNG TÀI SẢN	270	788,398,470	758,772,116
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	513,856,880	438,285,583
I. Nợ ngắn hạn	310	513,856,880	426,785,583
II. Nợ và vay dài hạn	330		11,500,000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	274,541,590	320,486,533
I. Nguồn vốn CSH	410	274,541,590	320,486,533
II. Lợi nhuận chưa phân phối	420	45,035,316	90,980,259
TỔNG NGUỒN VỐN	440	788,398,470	758,772,116

Tổng tài sản năm 2013 giảm 29.6 tỷ so với năm 2012 (tương đương giảm 4%) chủ yếu do hàng tồn kho năm 2013 giảm 73 tỷ, tương đương giảm 22% so với năm 2012.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai
Kế hoạch kinh doanh:

Chi tiêu (Đvt: tỷ đồng)	2013	Kế hoạch 2014	
		Chi tiêu	2014/2013
Doanh thu thuần	1,731.13	1,862.77	108%
Giá vốn hàng bán	1,612.67	1,725.26	107%
Lợi nhuận gộp	118.47	137.51	116%
<i>LN gộp/Doanh thu</i>	<i>6.84%</i>	<i>7.38%</i>	<i>108%</i>
Chi phí quản lý	15.4	18.78	122%
Chi phí bán hàng	13.9	18.94	136%
Chi phí tài chính	30.2	33.76	112%
LN Trước thuế	61.89	66.03	107%
<i>Thuế TNDN</i>	<i>15.7</i>	<i>14.5</i>	<i>92%</i>
LN Sau thuế	46.23	51.54	111%
<i>LNST/Doanh thu</i>	<i>2.67%</i>	<i>2.77%</i>	<i>104%</i>
EPS (Vnd/cp)	2,015	2,246	112%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGÔ THỊ THÔNG

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013 Công ty có nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới với nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng chính khó khăn đó là áp lực lớn nhất cho HĐQT trong việc định hướng và cùng Ban lãnh đạo bàn các giải pháp để ổn định và tăng cường năng lực sản xuất, tìm kiếm khách hàng nhằm mục tiêu: Ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, nỗ lực cố gắng thực hiện nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 đã giao cho HĐQT.

Với sự nỗ lực trên, Ban lãnh đạo CTCP Ngô Han đã đạt được kết quả vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt mục tiêu về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận vượt 53% so với mục tiêu tại đại hội cổ đông thường niên năm 2013 đề ra:

- ❖ Tổng doanh thu đạt : 1,731.13 tỷ
- ❖ Tổng lợi nhuận sau thuế đạt : 46.23 tỷ

Các hoạt động khác của công ty được duy trì và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động và pháp luật qui định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám Đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực, đạt được kết quả cao về các chỉ tiêu hoạt động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014 dự báo tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro vì lĩnh vực đầu tư XD CB về hệ thống lưới điện và công nghiệp có liên quan đến ngành nghề của công ty còn nhiều bất ổn từ định hướng nguồn vốn đầu tư năm nay của chính phủ và các chủ đầu tư khác.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng định hướng của HĐQT: Bằng mọi giải pháp để ổn định và phát triển SXKD với các chỉ tiêu kinh tế năm 2014 dự kiến là:

- Tổng sản lượng = 9,108 tấn.
- Doanh thu thuần = 1,862.77 tỷ .
- Lợi nhuận sau thuế = 51.54 tỷ.

Để thực hiện được mục tiêu trên HĐQT xác định phương hướng nhiệm vụ như sau:

- Chỉ đạo hoạt động của doanh nghiệp đảm bảo ổn định và phát triển. Bằng mọi giải pháp hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2014 do ĐHĐCĐ năm 2014 đề ra
- Tăng cường công tác dự báo thị trường, nâng cao năng lực quản trị, chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành có hiệu quả cao nhất để thực hiện nhiệm vụ.

- Rà soát và tiếp tục hoàn thiện các qui chế về quản trị nội bộ công ty, trong đó chú trọng đến việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy công ty, Bổ nhiệm các thành viên của bộ máy quản lý, Cơ chế thù lao cho bộ máy quản lý, giám sát,

Tp.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


NGÔ THỊ THÔNG

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị****Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị****❖ Bà Ngô Thị Thông – Chủ tịch**

Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 01/ 2006 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ngô Han
- Trước 01/ 2006	Cố đồng sáng lập Công ty Cổ phần Ngô Han
Đại diện:	0 cổ phần
Cá nhân:	12.711.932 cổ phần
Những người có liên quan:	Nguyễn Vũ Dương (con): 2.216.709
	Nguyễn Văn Vũ Lượng (con): 1.497.776

❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên

Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế.
Quá trình công tác:	
- Từ 2010 – nay	Phó Tổng Giám Đốc, Khối Tài Chính – Kinh Doanh – Đầu tư, CTCP Ngô Han
- Từ 2005 - 05/2010	Giám đốc Tài chính - Quản trị - Quan hệ đầu tư - CTCP Ngô Han
- 2002-2005;	Phó Giám đốc Chi nhánh - Cty Bình Tiên (Biti's)
- 2000-2002:	Kế toán viên - SGE-Schiendler JV Co.,
Đại diện:	0 cổ phần
Cá nhân:	0 cổ phần

❖ Ông Huỳnh Quốc Thái – Thành viên

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện - Điện tử.
Quá trình công tác:	
- Từ 05/2010 – nay	Phó Tổng Giám Đốc, Khối Sản xuất – CTCP Ngô Han

- Từ 02/ 1998 – 05/2010	Giám đốc Sản xuất – CTCP Ngô Han
Đại diện:	0 cổ phần
Cá nhân:	0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Huy Hùng – Thành viên

Trình độ chuyên môn:	Cao học Tài chính Ngân hàng.
Đại diện:	0 cổ phần
Cá nhân:	0 cổ phần
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không có.

❖ Ông Trịnh Minh Hưng – Thành viên

Trình độ chuyên môn:	Cao học Tài chính Ngân hàng.
Đại diện:	2.499.573 cổ phần
Cá nhân:	0 cổ phần
Lợi ích liên quan đối với công ty	Đại diện phần vốn góp của Ngân Hàng BIDV.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT: HĐQT đã tổ chức họp 5 lần với các nội dung chính như sau:

- Lần 1: ngày 25/04/2013.
 - Báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý 1.2013.
 - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư.
 - Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu năm 2013.
 - Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quý 2.2013.
- Lần 2: ngày 23/05/2013.
 - Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty TNHH Quang Trung tại CPCT Nước khoáng Cúc Phương.
- Lần 3: ngày 23/09/2013.
 - Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc chuyển nhượng cổ phần của một số cổ đông.
- Lần 4: ngày 14/11/2013.
 - Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 về việc hủy niêm yết tại SGDCK TP.HCM.
- Lần 5: ngày 17/12/2013.
 - Báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 10 tháng năm 2013.
 - Tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 2,3 năm 2012.
 - Kế hoạch kinh doanh năm 2013.
 - Tình hình thực hiện các mục tiêu năm 2013.
 - Các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014.

Thay đổi thành viên HĐQT:

- Bổ sung Ông Nguyễn Huy Hùng làm TV.HĐQT nhiệm kỳ 2003 – 2007.

2. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

❖ Bà Nguyễn Anh Khuê

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Hiện tại là Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp Ngân hàng ĐT&PT VN (BIDV), chi nhánh Tp.HCM.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

❖ Bà Phạm Thị Sa

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện tại là Trợ lý GD - Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Ngô Han.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

❖ Ông Vũ Lê Đức

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện tại là Trưởng phòng Phục vụ bán hàng Công ty Cổ phần Ngô Han.

Số cổ phần nắm giữ: 5 cổ phần.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm Soát đã chú trọng đến những hoạt động giám sát, kiểm tra trên một số lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2013 đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, điều hành các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo, điều hành Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ & BKS:

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT – BKS:

Thù lao	2012	2013	2013/2012
HĐQT	246,940,525	406,813,725	165%
BKS	60,965,367	55,474,599	91%

Tổng cộng	307,905,892	462,288,324	150%
------------------	--------------------	--------------------	-------------

> Chia cổ tức năm 2013: 10% bằng tiền mặt.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bà Ngô Thị Thông – CT.HĐQT kiêm TGD:

- Số lượng cổ phiếu đã mua: 6.817.019 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 24/10/2013 đến ngày 31/10/2013.

Ông Nguyễn Anh Tuấn – TV HĐQT

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 9.099 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 28/11/2013 đến ngày 29/11/2013 và 21/02/2014.

Ông Huỳnh Quốc Thái – TV HĐQT

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 18.179 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 29/11/2013 đến ngày 30/11/2013 và 21/02/2014.

Ông Phạm Thanh Quang – GD Vật tư.

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 9.179 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 29/11/2013 đến ngày 30/11/2013 và 21/02/2014.

Ông Hồ Thanh Tâm – GD Chất lượng.

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 18.179 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 02/12/2013 và 21/02/2014.

Ông Vũ Lê Đức – TV Ban kiểm soát.

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 4.545 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 11/12/2013 đến ngày 19/12/2013.

Bà Phạm Thị Sa – TV Ban kiểm soát.

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 4.545 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 29/11/2013 đến ngày 30/11/2013 và 21/02/2014.

Bà Nguyễn Thị Hương – Kế toán trưởng.

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 6.817 cp.
- Thời gian thực hiện giao dịch: 24/10/2013 đến ngày 31/10/2013 và 21/02/2014.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý kiến kiểm toán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Huu Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9200
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the EY network of independent member firms affiliated with EYNS International Cooperative ("EYNS International"), a Swiss entity.




Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Hạn và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13-01-193




Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Ngân hàng và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		638.218.131.208	678.194.451.024
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	56.751.780.934	48.967.758.794
Tiền	111		27.760.546.271	20.637.089.685
Các khoản tương đương tiền	112		28.991.234.663	28.330.669.109
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	5	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	311.553.498.619	287.806.107.619
Phải thu khách hàng	131		262.936.872.710	274.102.693.988
Trả trước cho người bán	132		11.734.575.397	11.585.546.843
Phải thu khác	135		37.108.689.677	2.385.581.205
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(226.639.165)	(267.714.417)
Hàng tồn kho	140	7	253.382.240.566	326.597.383.658
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.530.611.089	14.823.200.953
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.216.450.787	1.155.221.389
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.277.089.203	13.580.200.634
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		30.287.967	80.995.798
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.783.132	6.783.132
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		120.553.984.985	110.204.018.523
Tài sản cố định	220		112.594.179.702	102.480.362.850
Tài sản cố định hữu hình	221	8	73.303.448.463	66.891.869.703
Nguyên giá	222		199.998.545.165	180.232.073.273
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.695.096.702)	(113.340.203.570)
Tài sản cố định vô hình	227	9	14.685.060.000	14.777.451.750
Nguyên giá	228		16.933.209.590	16.954.389.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.248.149.590)	(2.176.938.068)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	24.605.671.239	20.811.041.397
Tài sản dài hạn khác	260		7.959.805.283	7.723.655.673
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.601.856.609	3.069.898.414
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		180.273.003	180.273.003
Tài sản dài hạn khác	268		4.177.675.671	4.473.484.256
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		758.772.116.193	788.398.469.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

5

Công ty Cổ phần Ngô Hạn và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		438.285.583.274	513.856.879.814
Nợ ngắn hạn	310		426.785.583.274	513.856.879.814
Vay ngắn hạn	311	12	300.828.151.445	388.189.565.523
Phải trả người bán	312		106.441.415.348	12.262.827.925
Người mua ứng trước	313		3.201.776.862	1.940.242.679
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	5.407.161.574	14.401.013.051
Phải trả người lao động	315		1.658.782.207	1.450.097.000
Chi phí phải trả	316	14	4.723.587.021	89.840.798.813
Phải trả nội bộ	317		72.800.000	6.500.000
Phải trả khác	319	15	4.451.908.817	5.765.834.823
Nợ dài hạn	330		11.500.000.000	-
Vay dài hạn	334	16	11.500.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		320.486.532.919	274.541.589.733
Vốn chủ sở hữu	410	17	320.486.532.919	274.541.589.733
Vốn cổ phần	411	18	229.506.273.435	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ	414	18	(35.760.000)	(127.160.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		35.760.000	127.160.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		90.980.259.484	45.035.316.298
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		758.772.116.193	788.398.469.547

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	231.200.055
Ngoại tệ (USD, EUR, GBP)	398.071.968	352.985.787

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Tiến Lập
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

Ngô Thị Thống
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Ngô Hạn và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013

Mẫu B 02 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	19	1.732.018.715.801	1.640.937.002.113
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(887.563.563)	(968.032.948)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		1.731.131.152.238	1.639.968.969.165
Giá vốn hàng bán	11	20	(1.612.662.618.435)	(1.562.612.509.616)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		118.468.533.803	77.356.459.549
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.543.617.432	4.554.760.079
Chi phí tài chính	22	22	(30.239.099.087)	(21.876.806.222)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(17.449.414.545)	(16.976.489.097)
Chi phí bán hàng	24		(13.934.133.519)	(9.201.224.186)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(15.347.878.802)	(14.600.779.698)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		61.491.039.827	36.232.409.522
Thu nhập khác	31	23	578.361.639	1.261.380.042
Chi phí khác	32		(174.605.048)	(134.189.230)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		403.756.591	1.127.190.812
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.894.796.418	37.359.600.334
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	24	(15.665.963.999)	(6.702.289.308)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	24	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		46.228.832.419	30.657.311.026
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.015	1.336

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Tiến Lập
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

Công ty Cổ phần Ngân Hàng và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		61.894.796.418	37.359.600.334
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ	02		14.283.894.460	13.180.909.263
Các khoản dự phòng	03		(41.075.252)	(1.157.669.459)
(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(117.225.307)	134.714.515
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(289.831.262)	(691.757.446)
Chi phí lãi vay	06		17.449.414.545	16.976.489.097
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		93.179.973.602	65.802.286.304
Biến động các khoản phải thu	09		(25.056.687.901)	(104.929.444.939)
Biến động hàng tồn kho	10		73.215.143.092	20.723.014.668
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.953.633.684)	(7.170.553.084)
Biến động chi phí trả trước	12		(520.555.956)	3.416.397.652
Tiền lãi vay đã trả	13		135.864.239.153	(22.158.299.399)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.653.729.661)	(17.639.872.910)
Thuế thu nhập hoãn lại	14		(8.875.860.343)	(13.470.796.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		109.334.649.149	(53.268.968.502)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(24.470.342.949)	(24.935.559.579)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		18.963.636	120.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		270.867.626	571.757.446
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(24.180.511.687)	(24.243.802.133)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		1.292.720.148.560	1.364.993.469.385
Chi trả nợ gốc vay	34		(1.368.581.562.638)	(1.217.883.690.746)
Chi trả cổ tức	36		(1.508.701.244)	(42.701.612.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(77.370.115.322)	104.408.166.039
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		7.784.022.140	26.895.395.404
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		48.967.758.794	22.072.363.390
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	56.751.780.934	48.967.758.794

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Tiên Lập
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Ngô Han ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, dây và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện tử, dây và cáp điện; và mua bán phế liệu phế thải đồng và nhôm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty"). Chi tiết công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ sở hữu thực tế
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngô Han	Mua bán kim loại, quặng kim loại, máy móc và thiết bị và linh kiện điện tử; lắp đặt mạng lưới điện; bán lẻ đồ gia dụng; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc nông nghiệp.	0311440941	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Nhóm công ty có 280 nhân viên (31/12/2012: 273 nhân viên) và Công ty có 263 nhân viên (31/12/2012: 258 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) **Cơ sở hợp nhất**

(i) **Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương đương tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chủ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/TIN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà xưởng	5 - 25 năm
• Máy móc	4 - 12 năm
• Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có không thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và thiết bị

Công cụ và thiết bị bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Ngô Hạn và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

**Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/IN

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(p) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.889.945.837	332.278.723
Tiền gửi ngân hàng	25.870.600.434	20.304.810.962
Tương đương tiền	28.991.234.663	28.330.669.109
	56.751.780.934	48.967.758.794

Công ty Cổ phần Ngô Hạn và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư này thể hiện khoản đầu tư vào 100% vốn của Công ty Cổ phần Nước Khoáng Cúc Phương. Khoản đầu tư này được mua lại bằng cách cân trừ các khoản phải thu tương đương 10 tỷ VND từ một khách hàng - Công ty TNHH Quang Trung. Ban Giám đốc công ty có ý định bán khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các thành viên Ban Giám đốc		
Tạm ứng	33.844.350.000	-
Ký quỹ ngắn hạn	3.063.131.143	2.154.453.699
Phải thu khác	121.644.500	208.144.500
	79.564.034	22.983.006
	37.108.689.677	2.385.581.205

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 86.718 triệu VND (31/12/2012: 51.965 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của nhóm Công ty.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên vật liệu	30.830.457.103	87.319.931.630
Công cụ và dụng cụ	51.910.908.636	45.989.291.612
Sản phẩm dở dang	8.652.752.876	8.294.213.146
Thành phẩm	2.606.531.239	2.549.760.490
Hàng hóa	134.050.514.748	156.794.337.843
Hàng gửi đi bán	25.331.075.964	25.649.842.307
	-	6.630
	253.382.240.566	326.597.383.658

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 170.632 triệu VND (31/12/2012: 214.603 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VND	Máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.174.512.237	145.663.187.973	1.581.611.512	9.812.761.551	180.232.073.273
Tăng trong năm	-	364.510.181	-	293.936.364	658.446.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.057.275.641	16.403.849.133	499.792.788	-	19.960.917.562
Thanh lý	-	-	-	-	(110.000.000)
Phân loại lại (*)	(174.887.198)	(148.081.909)	(373.504.633)	(46.418.475)	(742.892.215)
Số dư cuối năm	26.056.900.680	162.283.465.378	1.707.899.667	9.950.279.440	199.998.545.165
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.786.358.033	100.744.637.338	1.293.623.039	5.515.585.160	113.340.203.570
Khấu hao trong năm	1.079.311.312	11.900.649.066	259.061.232	952.481.100	14.191.502.710
Thanh lý	-	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Phân loại lại (*)	(168.726.529)	(145.423.578)	(366.040.996)	(46.418.475)	(726.609.578)
Số dư cuối năm	6.696.942.816	112.499.862.826	1.186.643.275	6.311.647.785	126.695.096.702
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.388.154.204	44.918.550.635	287.988.473	4.297.176.391	66.891.869.703
Số dư cuối năm	19.359.957.864	49.783.602.552	521.256.392	3.638.631.655	73.303.448.463

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước ngắn hạn.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 43.212 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 41.469 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 13.686 triệu VND (31/12/2012: 15.225 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.685.060.000	2.269.329.818	16.954.389.818
Phân loại lại (*)	-	(21.180.228)	(21.180.228)
Số dư cuối năm	14.685.060.000	2.248.149.590	16.933.209.590
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.176.938.068	2.176.938.068
Khấu hao trong năm	-	92.391.750	92.391.750
Phân loại lại (*)	-	(21.180.228)	(21.180.228)
Số dư cuối năm	-	2.248.149.590	2.248.149.590
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	14.685.060.000	92.391.750	14.777.451.750
Số dư cuối năm	14.685.060.000	-	14.685.060.000

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước ngắn hạn.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.269 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 652 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	20.811.041.397	23.418.094.872
Tăng trong năm	23.811.896.404	18.732.959.759
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.960.917.562)	(20.919.157.204)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(56.349.000)	(420.856.030)
Số dư cuối năm	24.605.671.239	20.811.041.397
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Máy móc	16.926.983.307	17.668.077.447
Nhà cửa	7.678.687.932	3.086.614.950
Phần mềm vi tính	-	56.349.000
	24.605.671.239	20.811.041.397

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và thiết bị	
	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	3.069.898.414	5.025.480.820
Tăng trong năm	3.957.722.127	2.903.464.227
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	56.349.000	420.856.030
Phân bổ trong năm	(3.482.112.932)	(5.279.902.663)
Số dư cuối năm	3.601.856.609	3.069.898.414

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

12. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	297.828.151.445	388.189.565.523
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	3.000.000.000	-
	300.828.151.445	388.189.565.523

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	5% - 10,2%	48.630.518.665	37.693.388.936
Khoản vay ngân hàng 2	USD	3% - 4,2%	249.197.632.780	350.496.176.587
			297.828.151.445	388.189.565.523

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 13.686 triệu VND (31/12/2012: 15.225 triệu VND); khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 86.718 triệu VND (31/12/2012: 51.965 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 170.632 triệu VND (31/12/2012: 214.603 triệu VND).

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	217.324.684	11.853.591.387
Thuế nhập khẩu	752.949	145.254.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.165.732.242	2.402.167.315
Thuế thu nhập cá nhân	23.351.699	-
	5.407.161.574	14.401.013.051

Công ty Cổ phần Ngân Hàng và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hoa hồng cho khách hàng	2.337.634.622	-
Chi phí lãi vay	380.685.054	585.000.170
Lương tháng 13	1.870.000.001	2.574.550.069
Phí dịch vụ chuyên môn	35.267.344	104.767.344
Mua nguyên vật liệu	-	86.576.481.230
Chi phí khác	100.000.000	-
	4.723.587.021	89.840.798.813

15. Phải trả khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội	332.869.637	815.952.212
Tài sản thừa chờ xử lý	285.188.644	292.411.644
Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công	50.144.760	37.644.923
Cổ tức phải trả	2.648.245.029	4.156.946.273
Phải trả khác	1.135.460.747	462.879.771
	4.451.908.817	5.765.834.823

16. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	14.500.000.000	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(3.000.000.000)	-
	11.500.000.000	-

Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất năm là 8,7% và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của hai lô đất của một thành viên thuộc Ban Giám đốc tại đường Tây Sơn, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội có giá trị là 32.013 triệu VND. Các khoản vay đáo hạn vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	60.253.827.272	289.760.100.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.657.311.026	30.657.311.026
Cổ tức	-	-	-	(45.875.822.000)	(45.875.822.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	45.035.316.298	274.541.589.733
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	46.228.832.419	46.228.832.419
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(283.889.233)	(283.889.233)
Cổ phiếu quỹ cấp cho nhân viên như cổ phiếu thưởng	-	91.400.000	(91.400.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	229.506.273.435	(35.760.000)	35.760.000	90.980.259.484	320.486.532.919

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.576)	(35.760.000)	(12.716)	(127.160.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.947.051	229.470.513.435	22.937.911	229.379.113.435

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.937.911	229.379.113.435	22.937.911	229.379.113.435
Cổ phiếu quỹ cấp cho nhân viên	9.140	91.400.000	-	-
Số dư cuối năm	22.947.051	229.470.513.435	22.937.911	229.379.113.435

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

19. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không hao gồm thuế giá trị gia tăng.

20. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm đã bán	1.354.053.736.473	1.325.820.649.038
Nguyên vật liệu đã bán	245.444.115.915	232.468.194.783
Hàng hóa đã bán	13.164.766.047	4.234.778.732
Khác	-	88.887.063
	<u>1.612.662.618.435</u>	<u>1.562.612.509.616</u>

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Thu lãi tiền gửi	270.867.626	571.757.446
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.096.510.441	3.907.006.960
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.239.365	75.995.673
	<u>2.543.617.432</u>	<u>4.554.760.079</u>

22. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	17.449.414.545	16.976.489.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.730.670.484	4.689.606.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.014.058	210.710.188
	<u>30.239.099.087</u>	<u>21.876.806.222</u>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

23. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	18.963.636	120.000.000
Bán phế liệu	402.762.062	30.000.000
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	1.087.281.359
Thu nhập khác	156.635.941	24.098.683
	<u>578.361.639</u>	<u>1.261.380.042</u>

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	15.665.963.999	6.702.289.308

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013	2012
Lợi nhuận trước thuế	61.894.796.418	37.359.600.334
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.473.699.105	9.339.900.084
Ưu đãi thuế	-	(2.671.193.833)
Chi phí không được khấu trừ thuế	192.264.894	33.583.057
	<u>15.665.963.999</u>	<u>6.702.289.308</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 46.228.832.419 VND (31/12/2012: 30.657.311.026 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 22.947.051 (31/12/2012: 22.947.051), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	46.228.832.419	30.657.311.026
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	46.228.832.419	30.657.311.026

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 VND	2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	22.937.911	22.937.911
Cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.140	9.140
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông trong năm	22.947.051	22.947.051

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

26. Công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Nhóm công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ việc sử dụng các công cụ tài chính như sau:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày thông tin về nguy cơ của Nhóm công ty đối với từng rủi ro trên, mục tiêu, chính sách và phương pháp quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Nhóm công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một khách hàng hoặc bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Nhóm công ty.

(i) Trọng thái rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	54.861.835.097	48.635.480.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	299.818.923.222	276.220.560.776
		<u>354.680.758.319</u>	<u>324.856.040.847</u>

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngân hàng và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hằng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND	Gộp 31/12/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND
Trong hạn	205.869.194.713	-	213.690.255.926	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	39.652.464.233	-	26.256.874.263	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	24.198.887.440	-	35.055.497.351	-
Quá hạn trên 180 ngày	30.325.016.001	(226.639.165)	1.485.647.653	(267.714.417)
	300.045.562.387	(226.639.165)	276.488.275.193	(267.714.417)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm		569.302.572
Sử dụng dự phòng trong năm	267.714.417	(231.200.055)
Hoàn nhập	(41.075.252)	(70.388.100)
Số dư cuối năm	226.639.165	267.714.417

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc cố thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	117.348.493.393	117.348.493.393	117.348.493.393	-	-
Vay ngắn hạn	297.828.151.445	299.391.323.739	299.391.323.739	-	-
Vay dài hạn	14.500.000.000	18.016.129.167	4.216.550.000	3.959.175.000	9.840.404.167
	429.676.644.838	434.755.946.299	420.956.367.132	3.959.175.000	9.840.404.167

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	109.326.058.561	109.326.058.561	109.326.058.561
Vay ngắn hạn	388.189.565.523	393.130.981.434	393.130.981.434
	497.515.624.084	502.457.039.995	502.457.039.995

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Ngũ Hạn và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD, EUR và GBP.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuận chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013			31/12/2012		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.939	6	57	16.897	6	57
Phải thu khách hàng	797.066	-	-	84.905	-	-
Phải trả người bán	(3.316.204)	-	-	(221.596)	(52.600)	-
Vay ngắn hạn	(11.799.130)	-	-	(16.802.310)	-	-
	(14.299.329)	6	57	(16.922.104)	(52.594)	57

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.120	20.860
1 EUR	28.929	27.712
1 GBP	34.445	33.430

Công ty Cổ phần Ngân Hàng và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phân tích độ nhạy cảm

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 1%)	(2.262.101.772)
EUR (mạnh thêm 4%)	5.201
GBP (mạnh thêm 3%)	44.119
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 0,15%)	(444.718.223)
EUR (mạnh thêm 2,67%)	(31.925.243)
GBP (mạnh thêm 3,39%)	53.013

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính - Tiền và các khoản tương đương tiền	54.861.835.097	48.635.480.071
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính - Vay	(312.328.151.445)	(388.189.565.523)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 2.342 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Ngũ Hạnh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	54,861,835,097	54,861,835,097	48,635,480,071	48,635,480,071
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	10,000,000,000	(*)		
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	299,818,923,222	(*)	276,220,560,776	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(117,348,493,391)	(*)	(109,326,058,561)	(*)
- Vay	(312,328,151,445)	(*)	(388,189,565,523)	(*)
	(64,995,886,519)		(172,639,583,237)	

(*) Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2013 VND	2012 VND
Phải thu chuyển đổi thành đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-
Cán trừ thuế thu nhập phải trả với thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.026.538.729	-
	14.026.538.729	-

34

TP.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2014.
**CÔNG TY CỔ PHẦN NGŨ HẠNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**

